

Bản án số:03/2020/HS-ST
Ngày: 15/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Thọ.

Bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thành C- sinh ngày 02 tháng 02 năm 1979; Tên gọi khác: C Ngốc; Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá học hết lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc T1 - sinh năm 1937, con bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1941; Vợ: Phan Thị N (đã ly hôn); Con có hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án: 03 tiền án.

Bản án số 62/2012/HSST ngày 11/9/2012, TAND huyện Đoan Hùng xử phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp trị giá 15.200.000 đồng. Về dân sự: buộc bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt xong vào 5/9/2014. Ngày 20/03/2013, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bản án số 41/2013/HSST ngày 17/9/2013, TAND huyện Đ xử phạt 18 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản trộm cắp là 3.390.000 đồng. Về dân sự: buộc bị cáo bồi thường 3.390.000 đồng. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: 200.000 đồng. Tháng 4/2013, bị

cáo nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo chưa bồi thường theo bản án. Ngày 29/12/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bản án số 68/2015/HSST ngày 30/10/2015, TAND huyện Đoan Hùng xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản là 54.960.000 đồng. Về dân sự: buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường dân sự: 8.750.000 đồng. Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm: 437.500 đồng. Bị cáo chưa nộp khoản tiền nào. Ngày 26/4/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 140/HSST ngày 10/12/1997, TAND tỉnh Phú Thọ xử phạt 42 tháng tù giam về tội Hiếp dâm, tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 12/ST ngày 24/5/1997 của TAND huyện Đoan Hùng, tổng hình phạt là 51 tháng tù giam;

Bản án số 24/ST ngày 21/11/2000, TAND huyện Đoan Hùng xử phạt 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy ở xã Yên Kien, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

- *Người bị hại:*

Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1979.

Trú tại: khu Th1, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà: Nguyễn Thị H1- sinh năm 1941.

Trú tại: Thôn 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Thành C (tức C Ngốc) là người nghiện ma túy, có nhiều tiền án về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/04/2019, C chấp hành án xong trở về địa phương sinh sống thì tiếp tục trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra làm rõ như sau:

Ngày 14/10/2019, chị Nguyễn Thị Th ở khu Th1, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ vay 20.000.000đ tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ. Sau khi sử dụng một phần tiền đã vay, còn lại số tiền 9.200.000 đồng chị Th bọc lại bằng túi nilon để trong túi nhựa, đặt trên kệ ti vi tại phòng ngủ. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Thành C cầm 02 chiếc nồi gang của gia đình mang đến bán cho chị Th được 250.000đ sau đó C đi lên khu vực thị trấn B, huyện Y, tỉnh Yên Bái mua ma túy của người không quen biết và sử dụng hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C đi về gần đến nhà chị Th thì C nhớ ra để quên dây cao su buộc nồi nên quay vào lấy. Phát hiện nhà chị Th không có người, cửa không khóa, C nảy sinh

ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, C lên vào phòng ngủ, trộm cắp 01 bọc nilon chứa tiền, để trong chiếc túi đặt tại kệ bàn ti vi, cất giấu vào túi quần phía trước bên phải. C đi ra ngoài, nghe thấy tiếng người nhà chị Th nên đứng nấp vào cánh cửa. Cùng lúc này, cháu Đinh Thị M là con gái chị Th, mở cửa đi vào. C chạy ra giữa phòng khách giơ ngón tay chỉ và trợn mắt về phía cháu M, ý bảo cháu M không được kêu lên rồi đi ra ngoài thì gặp chị Th đang đứng ở sân. Chị Th hỏi C: “Nhà em không có ai ở nhà, anh vào nhà em làm gì?”, C nói dối chị Th: “Anh đang đi tìm nôi, em bán hết chưa, cho anh lấy lại”, chị Th nói: “Trả tiền đây”, C nói: “Tiền tiêu hết rồi” và đạp xe đi chơi ở xã Bằng Luân, huyện Đ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C về nhà, bỏ tiền ra đếm được 46 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ, tổng là 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, C bỏ trốn khỏi địa phương, chi tiêu, mua ma túy hết số tiền đã trộm cắp được. Về phía chị Th, sau khi phát hiện bị mất tiền, chị Th đã trình báo Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra đối với Lê Thành C. Tại Cơ quan điều tra, Lê Thành C khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên.

Đối với 02 chiếc nôi gang C chở đến bán cho chị Th, quá trình điều tra làm rõ đây là tài sản của bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của C, bà Hiễn cho C 02 chiếc nôi trên để C đem đi bán vì bà không sử dụng. Nay bà Hiễn không yêu cầu C phải bồi thường cho bà và không không đề nghị gì.

Đối với người bán ma túy cho Lê Thành C, ngoài lời khai của C không có tài liệu, chứng cứ nào khác. Do chưa xác định được là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự.

Về điều kiện kinh tế: Bị cáo không có tài sản gì.

Về vật chứng: Không.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Th đề nghị bị cáo Lê Thành C bồi thường 9.200.000đ đã trộm cắp của chị và không yêu cầu khoản tiền nào khác. Hiện nay, C chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSĐH ngày 26/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Lê Thành C (C Ngốc) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 9.200.000đ (chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát cũng như hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy tố đối với bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) khai nhận: Lê Thành C (tức C Ngốc) là người nghiện ma túy, có 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản do cần có tiền để phục vụ bản thân nhưng lười lao động nên khoảng 17 giờ ngày 14/10/2019 Lê Thành C (tức C Ngốc) đã lén lút đột nhập vào phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Th trộm cắp số tiền 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng). Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản sự việc do Công an huyện Đ lập như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g, Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi trộm cắp tài sản đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự, an ninh xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần thiết phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa C.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân rất xấu đã năm lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi bị cáo chấp hành xong một phần các bản án bị cáo lại tiếp tục phạm tội, khi phạm tội nhân thân bị cáo có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có ba tiền án về tội trộm cắp tài sản lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm do đó bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 9.200.000đ của chị Nguyễn Thị Th, bị cáo chưa bồi thường cho chị Th khoản tiền 9.200.000đ nên cần buộc bị cáo phải trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 9.200.000đ.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Cần buộc các bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) là đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 585, 586, 589, 357, 468 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 9.200.000đ (chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà Lê Thành C (C Ngốc) không thi hành án, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thành C (C Ngốc) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 460.000đ (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao, hoặc được niêm yết.

Nơi nhân:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Đoan Hùng
- VKS tỉnh Phú Thọ, Sở tư pháp.
- CA huyện Đ.
- Cơ sở điều trị nghiện ma túy.
- Chi cục THADS huyện Đ.
- UBND xã T.
- Người bị hại, người có QLNVLQ.
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn